

MARKET LENS

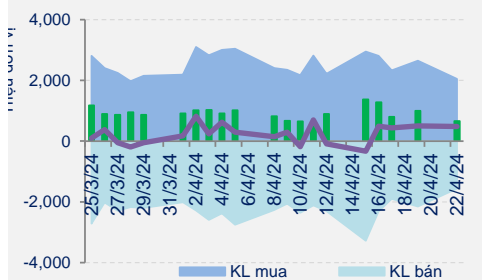
 Phiên giao dịch ngày: **22/4/2024**

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

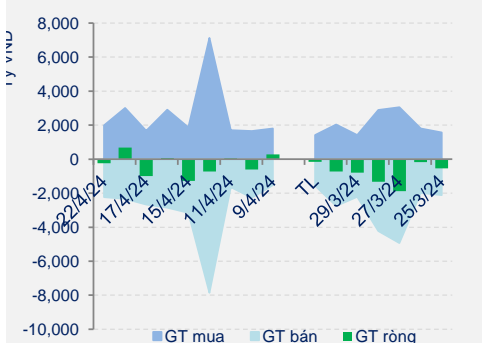
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,190.22	225.31
% Thay đổi	↑ 1.31%	↑ 2.04%
KLGD (CP)	662,267,634	78,977,165
GTGD (tỷ đồng)	15,948.16	1,515.61
Tổng cung (CP)	1,565,535,015	106,768,800
Tổng cầu (CP)	2,052,415,158	123,221,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	75,816,407	2,082,513
KL mua (CP)	68,325,642	4,239,400
GT mua (tỷ đồng)	1,989.92	128.17
GT bán (tỷ đồng)	2,229.48	56.46
GT ròng (tỷ đồng)	(239.56)	71.71

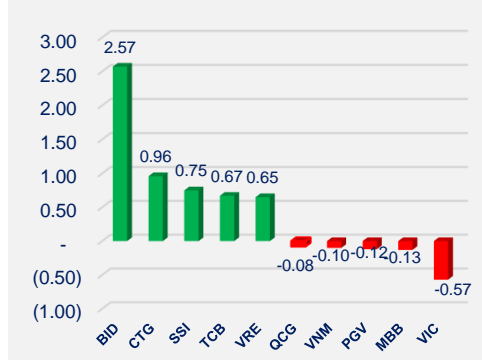
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần giảm điểm mạnh và không giữ được vùng hỗ trợ tâm lý mạnh 1.200 điểm -1.211 điểm tương ứng vùng giá cao nhất năm 2018. VN-INDEX đã phục hồi trở lại ở vùng giá hỗ trợ trung bình MA200 phiên. VN-INDEX mở đầu phiên hôm nay phục hồi lên 1.186 điểm, rung lắc điều chỉnh về quanh vùng giá 1.180 điểm và tiếp tục phục hồi tăng điểm. Kết phiên VN-INDEX tăng 15,37 điểm (1,31%) lên mức 1.190,22 điểm, tiến gần mốc kháng cự tâm lý 1.200 điểm. HNX-INDEX phục hồi tốt hơn khi tăng 4,51 điểm (+2,04%) lên mức 225,31 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch phục hồi tích cực khi có 514 mã tăng giá (37 mã tăng trần), 158 mã giảm giá (10 mã giảm sàn) và 97 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 17.456.57 tỷ đồng được giao dịch, dưới mức trung bình. Với khối lượng giao dịch VN-INDEX giảm khá mạnh 39,88% so với phiên trước. Cho thấy mức độ phục hồi tốt nhưng thanh khoản kém, một phần do áp lực cung ngắn hạn giảm khi nhiều mã trong vùng quá bán ngắn hạn. Khối ngoại vẫn bán ròng trong phiên hôm nay trên HOSE với giá trị 239,18 tỷ đồng; tập trung nhiều ở các mã ngân hàng, bán lẻ, bất động sản như MWG, HDB, VHM... mua ròng trên HNX với giá trị 71,71 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin hai sở giao dịch chứng khoán HOSE và HNX chính thức triển khai chính thức hệ thống giao dịch mới KRX vận hành ngày 02/05/2024. Dữ liệu giao dịch là cuối ngày 26/04/2024, dựa vào kết quả kiểm thử cuối cùng là ngày 30/04/2024. Như vậy sau 12 năm triển khai, dự án KRX mới hoạt động chính thức. Theo các chuyên gia, với việc vận hành KRX, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ nâng lên một bước tiến mới, là nền tảng để triển khai nhiều sản phẩm, thu hút nhà đầu tư, đáp ứng nhu cầu nâng hạng của thị trường.

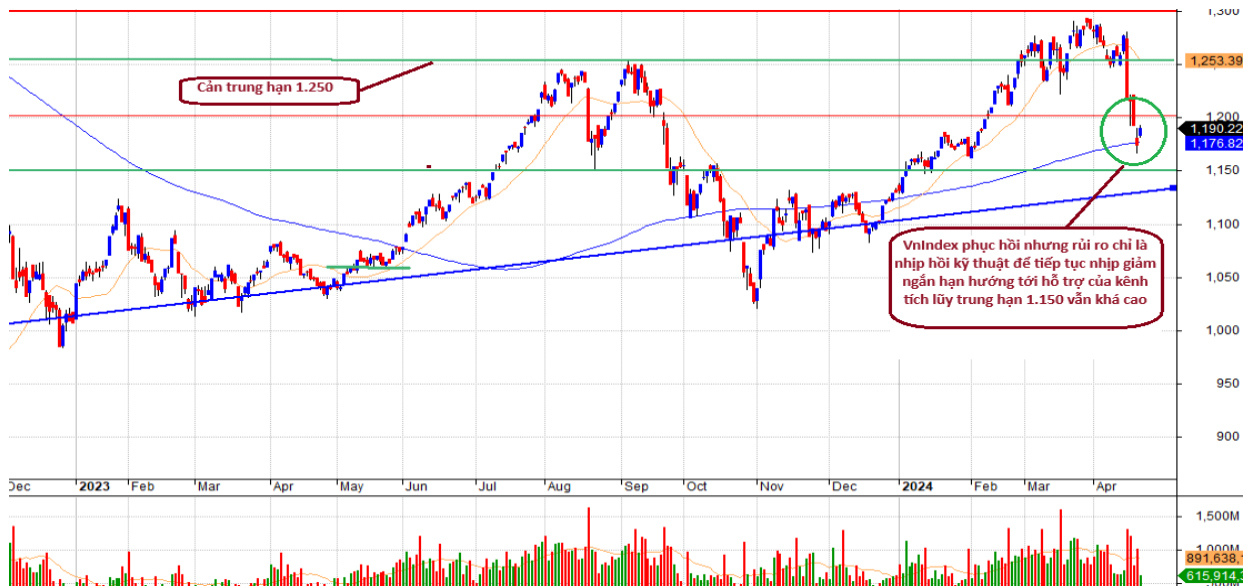
Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đã phản ánh tích cực trước thông tin trên khi phục hồi mạnh ngay từ đầu phiên sau khi chịu áp lực bán mạnh trong tuần trước, xu hướng phục hồi duy trì đến cuối phiên với đa số mã tăng giá mạnh hết biên độ như BVS (+9,88%), SBS (+7,94%), FTS (+7,00%), ORS (+6,91%), VND (6,88%)... Các cổ phiếu ngân hàng đa số cũng phục hồi tốt như TPB (+5,42%), EIB (+4,24%), BID (+3,62%), STB (+3,17%)... ngoài PGB (-2,70%), MBB (-0,44%) chịu áp lực điều chỉnh đa số thanh khoản suy giảm.

Nhóm cổ phiếu bất động sản sau tuần giảm mạnh về vùng quá bán ngắn hạn cũng phục hồi tốt, thanh khoản suy giảm với FIR (+6,71%), HDC (+5,34%), VRE (+5,16%), TIG (+5,13%), ITC (+3,77%)... ngoài CQG (-6,72%) điều chỉnh sau giai đoạn tăng mạnh, HPX (-3,47%), SJS (-2,33%), VHM (-0,12)...Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su phân hóa hơn với các mã chịu áp lực giảm mạnh thì phục hồi tốt hơn, thanh khoản suy giảm như KBC (+4,11%), ITA (+3,50%), DTD (+3,36%), IDC (+2,90%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh với LHG (-2,05%), PHR (-1,63%), D2D (-0,23%)...

Các cổ phiếu nhóm bán lẻ, nông nghiệp, thủy sản, xây dựng, vật liệu xây dựng cũng phục hồi tốt như DGW (+5,61%), FRT (+2,84%), PET (+2,36%)... DBC (+6,92%), BAF (+3,65%), PAN (+3,42%), VHC (+2,73%), IDI (+2,35%)... VLB (+3,45%), CTD (+3,11%), LCG (+3,10%)...

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2405 tăng 13,6 điểm (+1,14%), chênh lệch âm -1,34 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 19,59% so với phiên trước. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 đang phục hồi sau đợt giảm mạnh với hỗ trợ gần nhất 1.200 điểm, hỗ trợ mạnh quanh 1.180 điểm, tương ứng đường giá MA200 phiên, kháng cự gần nhất quanh 1.210 điểm - 1.220 điểm. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 0,86 điểm đến 3,56 điểm so với VN30, cho thấy các trader đang kỳ vọng VN30 phục hồi trở lại vùng giá quanh 1.210 điểm sau tuần giảm mạnh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường hồi phục sau loạt phiên giảm rất mạnh, nỗ lực phục hồi vẫn chưa thực sự tin cậy khi vùng hỗ trợ của chỉ số là quanh 1.150 điểm của kênh tích lũy rộng trung hạn. Chốt phiên Vn-Index tăng 15,37 điểm (+1,31%) và đóng cửa ở 1.190,22 điểm.

Trong ngắn hạn, việc Vn-Index thủng hỗ trợ 1.250 điểm dứt khoát đã hướng thị trường vào nhịp giảm và trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm. Phiên hồi phục hôm nay có thể chỉ mang tính chất hồi phục kỹ thuật và rủi ro Vn-Index tiếp tục giảm sau nhịp hồi vẫn cao và trong kịch bản đó thì ngưỡng hỗ trợ tin cậy sẽ là vùng 1.150 điểm. Ngưỡng kháng cự gần của chỉ số chính là mốc tâm lý 1.200 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, Vn-Index đã trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm và đang trong nhịp giảm ngắn hạn của vận động Swing trong kênh tích lũy rộng và quá trình tích lũy có thể kéo dài hơn bởi thị trường sẽ cần nhiều thời gian vận động chặt chẽ lại. Tuy nhiên hiện Vn-Index đang vận động trong nửa dưới của kênh tích lũy nên đây lại là cơ hội tốt để giải ngân đầu tư trung hạn. Tình hình vĩ mô quý 1 đang dần cho thấy dấu hiệu khởi sắc hơn, tuy nhiên diễn biến tỷ giá thời gian gần đây đang tác động tới tâm lý của nhà đầu tư. Trong bối cảnh này việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Thị trường hồi phục mang tính kỹ thuật và nhịp giảm có thể chưa kết thúc, nhà đầu tư ngắn hạn nên tiếp tục thận trọng và tranh thủ nhịp phục hồi để hạ tỷ trọng cổ phiếu và cơ cấu lại danh mục về mức an toàn. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đã quay lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm và đang vận động tại nửa dưới của kênh tích lũy và đây là cơ hội giải ngân tốt, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trung hạn có thể giải ngân thêm ở vùng điểm số hiện tại và ngay cả trong nhịp giảm tiếp theo.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

22/4/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	53.30	47-51	58-59	52	12.6	85.4%	167.2%	Theo dõi giải ngân
DPR	36.5	34.5-36.5	43-44	35	15.4	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
LHG	31.1	32.5-33	38-39	31	9.3	40.3%	102.4%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.45	14-14.3	18-18.6	13.5	7.4	-18.7%	91.6%	Theo dõi giải ngân
DTD	24.6	26-27	30-31	25	5.7	-11.6%	117.0%	Theo dõi giải ngân
SIP	77.7	76-77	84-85	73	14.8	32.8%	40.2%	Theo dõi giải ngân
KBC	29.15	27.5-28.5	32-33	25	11.2	350.3%	113.9%	Theo dõi giải ngân
CTD	62.9	59-62	78-80	57	33.1	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
FPT	110.3	100-106	120-125	94	21.6	12.6%	27.9%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	20.90	18.09	23-24	21	15.5%	Nắm giữ
16/4/2024	LHG	31.10	32	38-39	30	-2.8%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	31.60	32.2	37-38	31	-1.9%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	14.45	14.2	18-18.5	13.3	1.8%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	36.50	36.8	43-44	35	-0.8%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Ngân hàng Nhà nước hủy phiên bán đấu thầu 16.800 lượng vàng ngày 22/4

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) vừa thông báo hủy bỏ đấu thầu vàng miếng được lên kế hoạch diễn ra vào sáng nay (22.04) do số lượng người đăng ký thầu và chuyển khoản tiền đặt cọc không đủ yêu cầu. Để tiếp tục thực hiện quyết liệt giải pháp đấu thầu bán vàng miếng tăng cung ra thị trường, NHNN sẽ triển khai đấu thầu vàng miếng vào 9h sáng thứ Ba, 23/4/2024 và đã thông báo rộng rãi đến các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp đủ điều kiện để đăng ký dự thầu và đặt cọc ngay trong ngày hôm nay (22/4). Theo thông báo, tổng khối lượng vàng miếng dự kiến đấu thầu trong phiên 23/4 là 16.800 lượng, bằng lượng chào bán trong phiên 22/4 (đã bị hủy). Các quy định và hình thức đấu thầu trong phiên 23/4 được giữ nguyên so với phiên 22/4. Tuy nhiên, NHNN đã giảm giá tham chiếu để tính giá đặt cọc xuống còn 80,7 triệu đồng/lượng, từ mức 81,8 triệu đồng/lượng đưa ra cho phiên 22/4.

HoSE công bố vận hành chính thức hệ thống giao dịch KRX vào ngày 2-5

Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM (HoSE) cho biết đã gửi thông báo khẩn đến các CTCK kế hoạch chuyển đổi hệ thống giao dịch mới (KRX) chuẩn bị cho triển khai chính thức. Theo kế hoạch, ngày 24 và 25-4, các CTCK sẽ kiểm tra kết nối đến HoSE. Ngày 26-4, dữ liệu cuối ngày sẽ được chuyển đổi sang hệ thống giao dịch mới. Trong các ngày từ 27 đến 29-4, HoSE sẽ thực hiện chuyển đổi hệ thống giao dịch. Các công ty chứng khoán chủ động có kế hoạch và thực hiện các công việc chuẩn bị để đồng bộ triển khai. Đến ngày 30-4, công ty chứng khoán thực hiện kiểm tra chuyển đổi (Cutover test). Ngày giao dịch trên hệ thống KRX là 2-5-2024. Lãnh đạo HoSE lưu ý các CTCK tuyệt đối không dùng phần mềm nhập lệnh tự động và thử nghiệm tình huống bất thường, không thực tế. Trong trường hợp không triển khai chính thức, các công ty chứng khoán chủ động chuẩn bị hệ thống để tiếp tục giao dịch trên hệ thống giao dịch hiện tại.

Giá USD tự do, USD ngân hàng đồng loạt tăng mạnh

Sáng 22/4, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm ở mức 24.272 đồng, tăng 12 đồng so với cuối tuần trước. Với biên độ +/-5%, tỷ giá sàn và tỷ giá trần áp dụng cho các ngân hàng thương mại hôm nay là 23.059-25.485 đồng/USD. Giá bán giao ngay USD được Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước giữ nguyên mức 25.450 đồng. Tương tự như các phiên cuối tuần trước, ngay khi mở cửa đầu tuần, tỷ giá USD tại các ngân hàng đồng loạt tăng mạnh lên hết mức cho phép. Giá USD trên thị trường tự do tăng mạnh lên quanh mức 25.900 đồng, cao hơn hôm qua khoảng 100 đồng. Cụ thể, giá mua vào ở các điểm thu đổi ngoại tệ phổ biến 25.780-25.800 đồng, trong khi giá bán ra lên 25.870-25.900 đồng. Giá USD tại các ngân hàng vẫn niêm yết ở mức kịch trần với chiều bán ra ở mức 25.485 đồng ngay khi mở cửa.

TIN DOANH NGHIỆP

Hoàng Anh Gia Lai (HAG) chào bán thành công 1.300 tỷ đồng cổ phiếu riêng lẻ

CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAG) vừa thông qua việc sửa đổi điều lệ công ty, tăng vốn điều lệ từ gần 9.275 tỷ đồng lên gần 10.575 tỷ đồng sau đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Sau khi chào bán thành công, HAGL đã thu về tổng cộng 1.300 tỷ đồng từ 130 triệu cổ phiếu riêng lẻ, với giá chào bán là 10.000 đồng/cp. Chi tiết, 3 nhà đầu tư mua gồm: ông Lê Minh Tâm, NĐT cá nhân mua 28 triệu cổ phiếu, chiếm 2,65% tổng số cổ phần; Công ty chứng khoán LPBank mua 50 triệu cổ phiếu, chiếm 4,73%; và CTCP - Tập đoàn Thaingroup mua 52 triệu cổ phiếu, chiếm 4,92% tại HAG. Số tiền huy động được dự kiến được Hoàng Anh Gia Lai dùng cho việc thanh toán khoản nợ gốc và lãi trái phiếu; cơ cấu lại các khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong cho công ty con; bổ sung nguồn vốn lưu động và cơ cấu lại nợ cho Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai.

FPT báo lãi hơn 2.500 tỷ đồng trong quý 1/2024, doanh thu từ thị trường nước ngoài tăng trưởng mạnh

Tập đoàn FPT vừa công bố kết quả kinh doanh sơ bộ 3 tháng đầu năm 2024 với doanh thu ước đạt 14.093 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 2.534 tỷ đồng, lần lượt tăng 20,6% và 19,5% so với cùng kỳ 2023. Lợi nhuận sau thuế 3 tháng đầu năm đạt 2.160 tỷ đồng, tăng 19,4% so với cùng kỳ 2023. Trong đó, lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 1.798 tỷ đồng, tăng 20,4% so với cùng kỳ năm trước. EPS tương ứng đạt 1.416 đồng/cổ phiếu. Năm 2024, FPT đặt ra mục tiêu doanh thu 61.850 tỷ đồng (~2,5 tỷ USD) và lợi nhuận trước thuế 10.875 tỷ đồng, đều tăng khoảng 18% so với kết quả thực hiện năm 2023. Với kết quả đạt được sau 3 tháng đầu năm, tập đoàn đã thực hiện khoảng 23% kế hoạch đề ra.

Quý I/2024, Nhơn Trạch 2 (NT2) lỗ sâu nhất từ ngày lên sàn

Với việc báo lỗ 158 tỷ đồng trong quý đầu năm nay, CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đã xác lập mức lỗ nặng nhất từ ngày lên sàn (năm 2015). Trong quý I/2024, doanh thu thuần của NT2 giảm đến 88%, xuống chỉ còn 262 tỷ đồng. Bên cạnh đó, với việc kinh doanh dưới giá vốn là 487,3 tỷ đồng, NT2 lỗ gộp tới 225,3 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lãi gộp 252 tỷ đồng. NT2 cho biết, nguyên nhân chủ yếu do quý I/2024 sản lượng điện doanh nghiệp chỉ đạt 151,5 triệu kWh, trong khi sản lượng điện cùng kỳ năm 2023 đạt 1.074,8 triệu kWh.

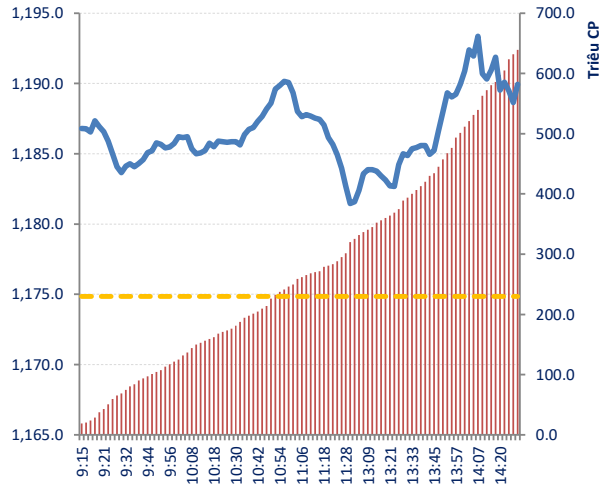
PVI Holdings: LNTT hợp nhất quý 1 đạt 446 tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ

Tổng công ty Bảo hiểm PVI đã công bố báo cáo tài chính tự lập Quý 1 năm 2024. Doanh thu hợp nhất đạt 6.504 tỷ đồng, tăng trưởng 50% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành 37,4% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 446 tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ năm trước. Tổng tài sản của PVI cũng tăng đáng kể gần 14% so với cùng kỳ, đạt hơn 30,7 nghìn tỷ đồng. Bảo hiểm PVI tiếp tục duy trì tỷ lệ kết hợp dưới 90% và vẫn giữ vững vị thế số 1 ngành bảo hiểm phi nhân thọ với hơn 20% thị phần.

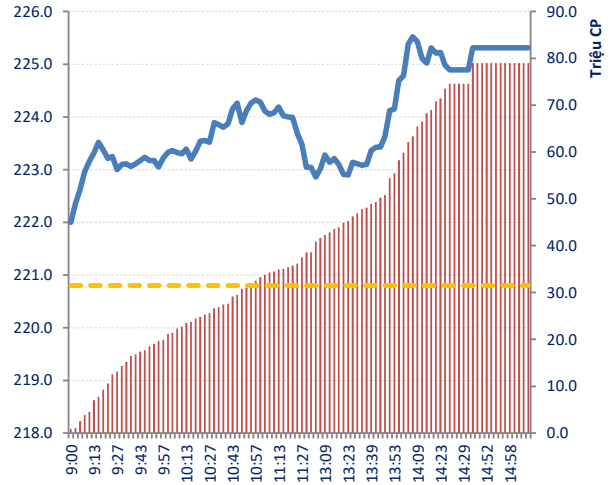


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

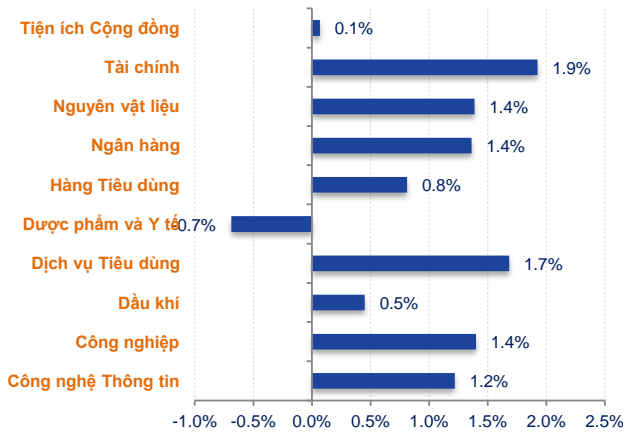
KLGD và VN-Index trong phiên



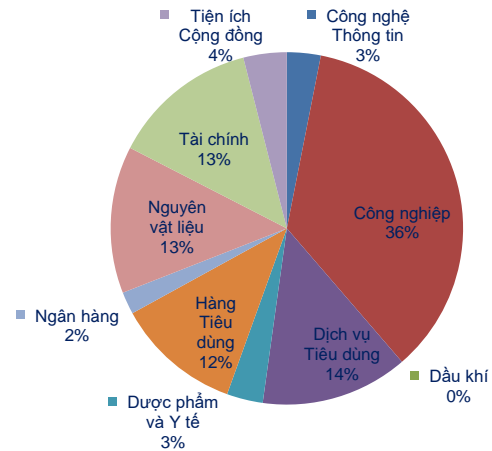
KLGD và HNX-Index trong phiên



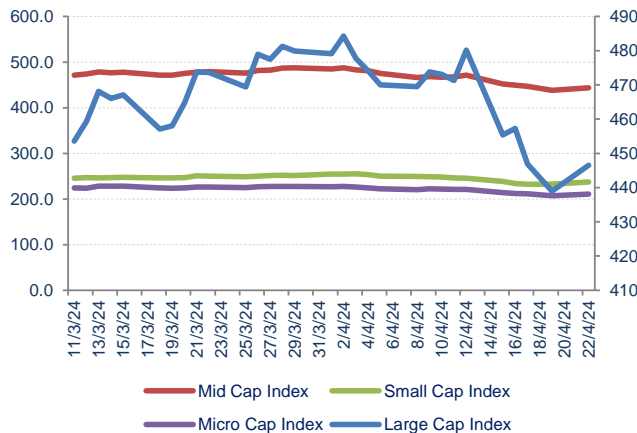
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



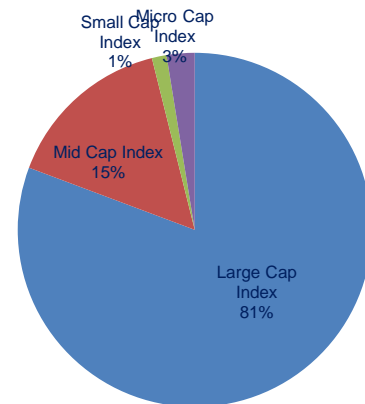
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	7,123,763	FUEVFNVD	12,176,600	1	BVS	885,900	CEO	164,100
2	VRE	2,279,761	HDB	2,110,240	2	PVS	798,517	IDC	124,831
3	SSI	1,791,620	HPX	1,960,300	3	MBS	688,900	VGS	117,200
4	VPB	1,535,600	MWG	1,834,059	4	TNG	128,700	MST	50,500
5	TPB	1,522,800	SHB	1,642,402	5	SHS	94,700	VC7	46,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.15	11.25	↑ 0.90%	29,777,474	SHS	17.40	18.40	↑ 5.75%	24,252,185
VIX	16.30	17.15	↑ 5.21%	27,927,800	CEO	17.70	18.30	↑ 3.39%	8,734,589
MBB	22.70	22.60	↓ -0.44%	26,807,800	PVS	38.40	38.80	↑ 1.04%	4,472,591
VPB	18.10	18.30	↑ 1.10%	24,959,900	MBS	25.60	27.30	↑ 6.64%	3,815,864
NVL	14.45	14.90	↑ 3.11%	23,516,300	HUT	16.80	17.00	↑ 1.19%	2,813,577

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FTS	50.00	53.50	3.50	↑ 7.00%	VLA	17.00	18.70	1.70	↑ 10.00%
TNA	5.58	5.97	0.39	↑ 6.99%	TXM	5.00	5.50	0.50	↑ 10.00%
HRC	43.05	46.05	3.00	↑ 6.97%	TKG	5.00	5.50	0.50	↑ 10.00%
CTR	112.20	120.00	7.80	↑ 6.95%	KKC	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
SMA	9.06	9.69	0.63	↑ 6.95%	CTP	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PMG	8.00	7.44	-0.56	↓ -7.00%	L62	2.00	1.80	-0.20	↓ -10.00%
PSH	5.01	4.66	-0.35	↓ -6.99%	MCO	18.20	16.40	-1.80	↓ -9.89%
MDG	12.25	11.40	-0.85	↓ -6.94%	TMX	8.10	7.30	-0.80	↓ -9.88%
QCG	17.85	16.65	-1.20	↓ -6.72%	KTS	44.80	40.40	-4.40	↓ -9.82%
GMH	9.53	9.00	-0.53	↓ -5.56%	TKU	17.60	15.90	-1.70	↓ -9.66%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	29,777,474	15.8%	2,019	5.5	0.8
VIX	27,927,800	11.6%	1,444	11.3	1.2
MBB	26,807,800	23.5%	3,960	5.7	1.2
VPB	24,959,900	8.2%	1,433	12.6	1.0
NVL	23,516,300	1.3%	311	46.5	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	24,252,185	5.7%	688	25.3	1.4
CEO	8,734,589	3.0%	402	44.0	1.5
PVS	4,472,591	7.7%	2,148	17.9	1.4
MBS	3,815,864	13.0%	1,475	17.4	2.1
HUT	2,813,577	0.6%	89	189.7	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	↑ 7.0%	14.8%	2,481	20.2	2.8
TNA	↑ 7.0%	0.7%	85	65.9	0.5
HRC	↑ 7.0%	3.1%	559	77.1	2.4
CTR	↑ 7.0%	28.6%	4,510	24.9	6.5
SMA	↑ 7.0%	2.1%	232	39.0	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLA	↑ 10.0%	0.4%	61	276.7	1.6
TXM	↑ 10.0%	-4.1%	(667)	-	0.3
TKG	↑ 10.0%	2.9%	294	17.0	0.5
KKC	↑ 10.0%	0.8%	64	94.4	0.8
CTP	↑ 10.0%	0.0%	1	3,014.2	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	7,123,763	13.0%	1,661	11.4	1.4
VRE	2,279,761	12.4%	1,940	11.0	1.3
SSI	1,791,620	10.1%	1,531	21.7	2.1
VPB	1,535,600	8.2%	1,433	12.6	1.0
TPB	1,522,800	13.7%	2,019	8.2	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BVS	885,900	8.7%	2,711	12.0	1.0
PVS	798,517	7.7%	2,148	17.9	1.4
MBS	688,900	13.0%	1,475	17.4	2.1
TNG	128,700	12.4%	1,917	10.3	1.2
SHS	94,700	5.7%	688	25.3	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	505,813	22.0%	5,910	15.3	3.1
BID	275,616	18.9%	3,773	12.8	2.2
VHM	180,706	20.2%	7,664	5.4	1.0
GAS	172,255	18.4%	5,053	14.8	2.6
CTG	169,692	17.0%	3,706	8.5	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,354	7.7%	2,148	17.9	1.4
IDC	17,094	22.6%	4,223	12.3	2.8
HUT	14,994	0.6%	89	189.7	1.3
SHS	14,149	5.7%	688	25.3	1.4
THD	13,398	2.9%	458	75.9	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.43	-6.1%	(768)	-	0.3
POM	2.33	-45.6%	(3,445)	-	0.5
KSB	2.33	3.7%	939	21.4	0.8
NHH	2.32	7.1%	1,305	12.3	0.8
NHA	2.27	4.0%	406	45.5	1.8

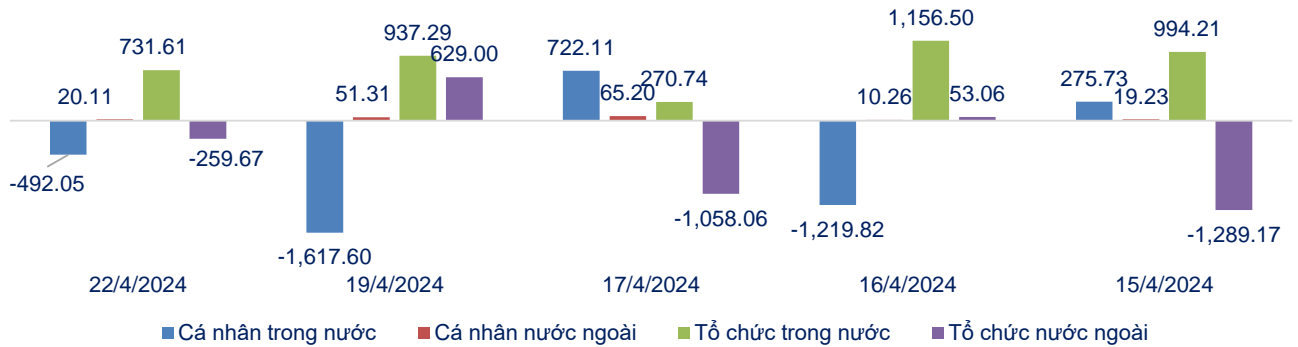
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.98	5.2%	733	15.4	1.0
VC2	2.45	2.0%	293	28.7	0.6
CEO	2.44	3.0%	402	44.0	1.5
HMR	2.35	8.5%	1,170	14.5	1.2
CMS	2.32	0.7%	79	147.7	1.1



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	160.28	0.7%	115	420.6	3.0
VIC	84.87	1.5%	557	76.4	1.1
VHM	69.86	20.2%	7,664	5.4	1.0
HDB	56.65	23.6%	3,480	6.4	1.4
ACB	47.86	24.8%	4,131	6.4	1.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-303.14	8.2%	1,433	12.6	1.0
VND	-148.33	13.0%	1,661	11.4	1.4
SSI	-64.72	10.1%	1,531	21.7	2.1
VRE	-58.50	12.4%	1,940	11.0	1.3
CTG	-52.89	17.0%	3,706	8.5	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	13.85	8.2%	1,433	12.6	1.0
VIX	5.59	11.6%	1,444	11.3	1.2
VHM	4.63	20.2%	7,664	5.4	1.0
FUEVFNND	3.52	N/A	N/A	N/A	N/A
VIC	2.09	1.5%	557	76.4	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPX	-11.52	3.6%	419	14.5	0.5
SSI	-3.40	10.1%	1,531	21.7	2.1
SKG	-2.51	8.1%	1,101	13.0	1.0
HHV	-2.05	3.8%	910	13.7	0.5
MWG	-1.75	0.7%	115	420.6	3.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNND	343.11	N/A	N/A	N/A	N/A
VPB	274.90	8.2%	1,433	12.6	1.0
NVL	61.58	1.3%	311	46.5	0.6
EIB	41.30	10.1%	1,244	13.3	1.3
HAH	38.91	12.7%	3,526	10.8	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-71.69	0.7%	115	420.6	3.0
ACB	-47.86	24.8%	4,131	6.4	1.5
MBB	-23.77	23.5%	3,960	5.7	1.2
STB	-23.25	18.3%	4,094	6.5	1.1
VIC	-21.36	1.5%	557	76.4	1.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	140.24	13.0%	1,661	11.4	1.4
SSI	65.73	10.1%	1,531	21.7	2.1
VRE	50.16	12.4%	1,940	11.0	1.3
VCI	47.51	7.1%	1,127	39.9	2.7
DGW	41.69	14.0%	2,160	24.8	3.4

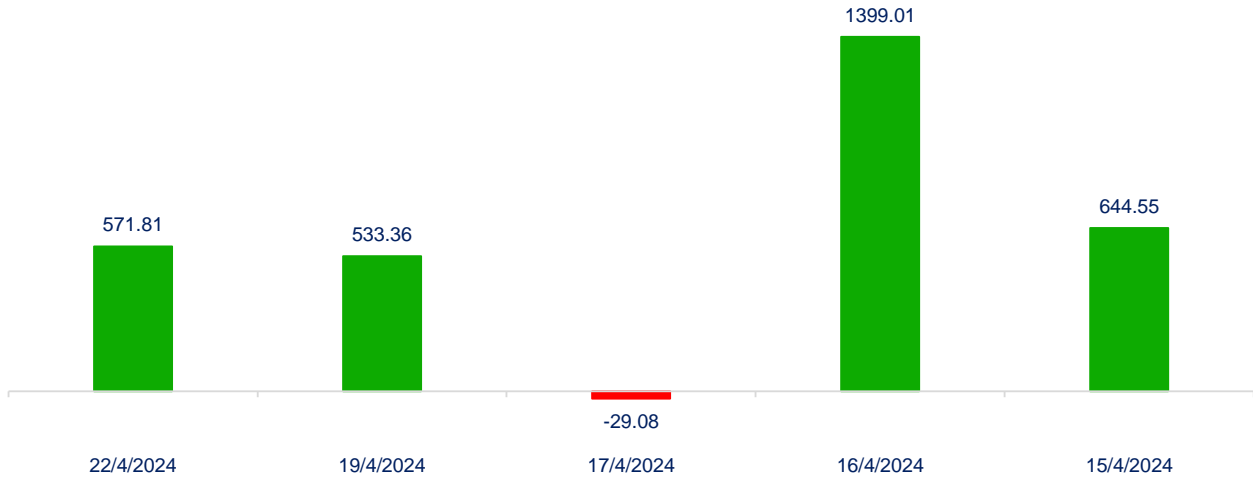
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNND	-356.67	N/A	N/A	N/A	N/A
MWG	-86.83	0.7%	115	420.6	3.0
VIC	-65.60	1.5%	557	76.4	1.1
VHM	-65.53	20.2%	7,664	5.4	1.0
HDB	-47.17	23.6%	3,480	6.4	1.4

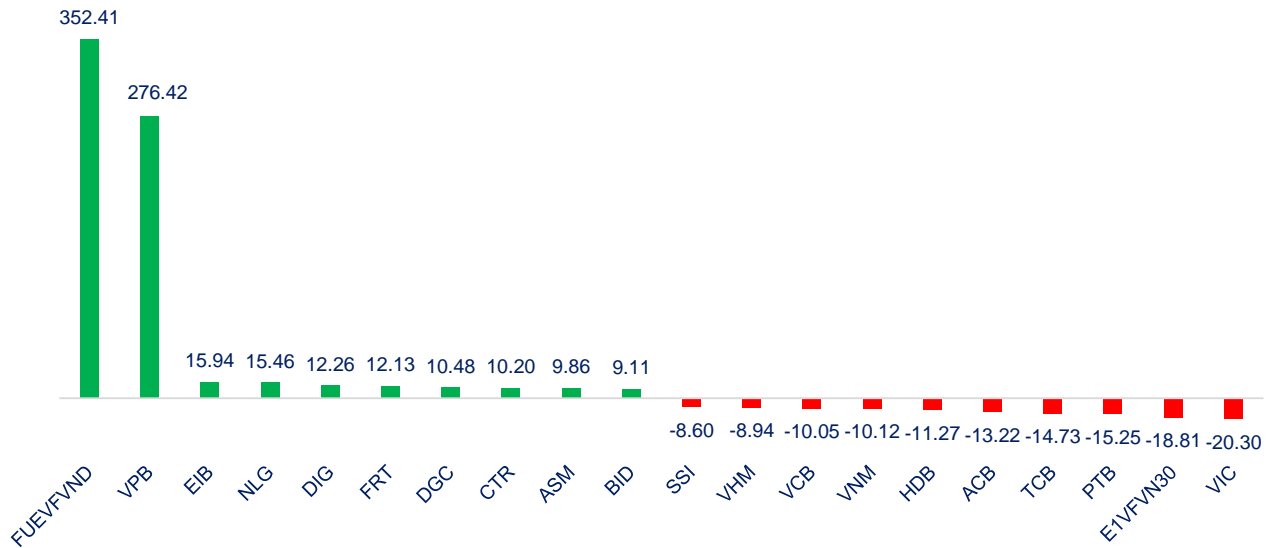


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn